

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỤ BẢN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày 21/01/2025

Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỤ BẢN, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Đức.

Bà Trần Thị Định.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Thanh Thảo, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Đoàn Thị C, sinh năm 1969.

2. Bị đơn: ông Trần Thế G, sinh năm 1962.

Cùng nơi cư trú: thôn V, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, bà C và ông G vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Đoàn Thị C trình bày:

Bà Đoàn Thị C và ông Trần Thế G tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 01 tháng 02 năm 1990 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Bà C và ông G hiện nay đang sống ly thân với nhau, mỗi người một nơi và không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Nay bà C xác định hôn nhân không có hạnh phúc nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông G.

Về con chung: Giữa bà C và ông G có hai con chung tên là Trần Thị Kim T, sinh năm 1991 và Trần Thế C, sinh năm 1998. Hiện nay, cả hai con đều đã trưởng thành và lao động tự lập được. Vì vậy, bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Trần Thế G:* Trong quá trình giải quyết vụ án, ông G đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà C vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là ông G được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà C và ông G.

[2] Về hôn nhân: Giữa bà C và ông G kết hôn với nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 02 năm 1990 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Đời sống vợ chồng giữa bà C và ông G không hạnh phúc, hai người đã sống ly thân không còn sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau nữa. Xét thấy, bà C và ông G đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho bà C ly hôn ông G là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con: Giữa bà C và ông G thống nhất có hai con chung tên là Trần Thị Kim T, sinh năm 1991 và Trần Thế C, sinh năm 1998 đều đã trưởng thành và tự lập nên không yêu cầu giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung.

[4] Về tài sản và nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông G vắng mặt, không có ý kiến về việc giải quyết tài sản, do vậy về tài sản và nợ chung không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Bà C có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Bà C và ông G có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vĩ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho bà Đoàn Thị C ly hôn ông Trần Thế G.

2. Về án phí: Bà Đoàn Thị C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định theo biên lai số 0000936 ngày 11 tháng 11 năm 2024, bà C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Đoàn Thị C và ông Trần Thế G có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát ND huyện Vụ Bản;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện Kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Vụ Bản;
- Ủy ban ND xã Đ, huyện V;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường